TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 44/2022/QĐST-HNGĐ	*Hậu Lộc, ngày 22 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản và công nợ khi ly hôn*". Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Bùi Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L kết hôn năm 2004 do hai bên tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã M, huyện H cấp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm một thời gian dài, gia đình hai bên gia đình đã dàn xếp nhưng không thể hàn gắn được. Nay anh S, chị L đều xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L thống nhất có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/6/2005 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 29/3/2007.

Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức A cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thỏa thuận của anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các cháu và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3]. Về tài sản: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L thống nhất tài sản chung gồm có diện tích đất 156m^2 tại thửa số 568, tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã M đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM932981, số vào sổ cấp GCN CH01881 cấp ngày 30/3/2018 cho anh Nguyễn Văn S và Bùi Thị L ở thôn M, xã M, huyện H và toàn bộ tài sản trên đất là nhà ở cấp bốn, mái lợp ngói, tường xây gạch, diện tích xây dựng 80m^2, nhà bếp và công trình phụ trên diện tích đất 156m^2.

Hai bên thỏa thuận: Giao toàn bộ 156m^2 đất ở cho anh S được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất như trên. Anh S có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Xét việc thỏa thuận của anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L về chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Về nợ: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L thống nhất hiện nay vợ chồng còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền gốc là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 3018804779/2020- HĐCVHM/NHCT424 ngày 04/9/2020.

Hai bên thỏa thuận: Anh S có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ hiện nay cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

Xét việc thỏa thuận của anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L về trách nhiệm trả nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[6].Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L.

- *Về con*: Công nhận cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 20/6/2005 và Nguyễn Đức A, sinh ngày 29/3/2007 là con chung của anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L.

Công nhận thỏa thuận việc nuôi con: Anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Văn T và Nguyễn Đức A cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên. Chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận mức cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản :* Công nhận tài sản chung của anh S và chị L gồm có diện tích đất 156m^2 tại thửa số 568, tờ bản đồ số 10 bản đồ địa chính xã M đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM932981, số vào sổ cấp GCN CH01881 cấp ngày 30/3/2018 cho anh Nguyễn Văn S và Bùi Thị L ở thôn M, xã M, huyện H và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp bốn, mái lợp ngói, tường xây gạch, diện tích xây dựng 80m^2, nhà bếp và công trình phụ trên diện tích đất 156m^2.

Công nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản: Giao toàn bộ 156m^2 đất ở cho anh S được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất như trên. Anh S có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

- *Về nợ*: Công nhận anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị L hiện nay còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam số tiền gốc là 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 3018804779/2020-HĐCVHM/NHCT424 ngày 04/9/2020.

Công nhận sự thỏa thuận: Anh S có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền còn nợ hiện nay cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh S, chị L mỗi người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng

được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh S, chị L đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0008825 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh S, chị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận: - Các đương sự; - VKSND huyện Hậu Lộc; - Chi cục THADS huyện Hậu Lộc; - TAND tỉnh Thanh Hóa; - UBND xã M; - Lưu hồ sơ việc dân sự.	**THẨM PHÁN** *(Đã ký)* **Cao Thị Nga**